

Vài nét về thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành tại một số doanh nghiệp sản xuất ở Hà Nội

TS. Nguyễn Thị Minh Tâm*

*Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 17 tháng 9 năm 2010

Tóm tắt. Kế toán quản trị (KTQT) được coi là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu trong điều kiện nền kinh tế thị trường, bởi tính linh hoạt và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, hệ thống KTQT chi phí và giá thành tại các doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam chưa được chú trọng, hoặc có làm nhưng hiệu quả chưa cao. Tại sao các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam chưa thực sự quan tâm đến KTQT chi phí và giá thành? Cần phải làm gì để KTQT phát huy tác dụng trong hoạt động của doanh nghiệp? Với phương pháp điều tra khảo sát thực tế kết hợp với những kinh nghiệm của quốc tế, bài viết này sẽ góp phần giải quyết các vấn đề nói trên. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng Bảng câu hỏi gửi đến một số doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn Hà Nội. Từ những thông tin thu thập được, chúng tôi đã tập hợp, phân tích và đánh giá thực trạng, trên cơ sở đó đưa ra các kết luận và kiến nghị.

1. Điều kiện hình thành và phát triển kế toán quản trị ở Việt Nam

Vài năm gần đây, số lượng các doanh nghiệp tăng lên rất nhanh, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược, giải pháp hiệu quả. KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một trong những công cụ hữu hiệu giúp các nhà quản trị quản lý doanh nghiệp. KTQT cung cấp các thông tin cụ thể, chi tiết và có sử dụng một số nội dung của ngành khoa học khác như thống kê, kinh tế ngành, quản trị kinh doanh... nên nó được coi như một hệ thống trợ giúp các nhà quản trị ra các quyết định tối ưu. Khi sử dụng thông tin chi tiết đã được tóm lược theo yêu cầu sử dụng, nhà quản trị có thể phát hiện vấn đề để

giải quyết nhanh chóng, cải tiến kịp thời và đạt hiệu quả hơn... Chính nền kinh tế thị trường là điều kiện thuận lợi cho KTQT chi phí sản xuất và giá thành hình thành và phát triển.

Do sự phát triển khoa học quản lý nói chung, khoa học kế toán cũng có những bước phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia. Bên cạnh kế toán tài chính (KTTC), KTQT được sử dụng như một công cụ kiểm tra, kiểm soát, thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ việc lập kế hoạch, ra quyết định. KTQT chi phí sản xuất và giá thành là bộ phận quan trọng nhất của KTQT, vậy nên tất yếu nó sẽ được phát triển đầu tiên vì nhu cầu thông tin về chi phí và giá thành là không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp sản xuất.

Việt Nam đang từng bước hội nhập thế giới, do đó đối với nước ta, việc vận dụng và thực hiện KTQT là một tất yếu khách quan, phù hợp với quy luật và xu thế chung của thời đại.

* ĐT: 84-4-36416817

E-mail: minhtam280557@yahoo.com.vn

2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí và giá thành tại các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam

Qua kết quả điều tra sơ bộ quý 1 năm 2010 tại một số doanh nghiệp sản xuất ở Hà Nội thuộc các ngành xây dựng, chế biến, nông nghiệp và sử dụng các tài liệu thứ cấp, có thể nhận xét chung về thực trạng KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam như sau:

2.1. Nhận thức về kế toán quản trị

Trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, KTTC là phần được chú trọng nhiều nhất bởi các yêu cầu về cung cấp thông tin phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp luôn được đặt ra. Ngày 12/6/2006, Thông tư số 53/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn áp dụng KTQT trong doanh nghiệp” chính thức ra đời nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện KTQT. Hầu hết các doanh nghiệp được điều tra đều biết đến Thông tư này, điều đó chứng tỏ họ có tìm hiểu ở mức độ nào đó. Tuy nhiên, thực tế lại có số ít doanh nghiệp không hề biết đến Thông tư, như vậy một bộ phận doanh nghiệp vẫn chưa quan tâm thỏa đáng đến một văn bản có ý nghĩa đầu tiên hướng dẫn các doanh nghiệp áp dụng

KTQT - kể từ khi KTQT hình thành và phát triển ở Việt Nam. Nói chung, kể từ khi ra

đời đến nay, KTQT trong các doanh nghiệp vẫn mờ mịt lối đi, chưa có một tổ chức nào có đủ chuyên môn và kinh nghiệm chuyên tư vấn xây dựng hệ thống KTQT. Còn đối với các doanh nghiệp, KTQT vẫn còn xa vời về mặt lý luận lẫn thực hành hoặc vẫn chỉ dừng lại ở khâu lập kế hoạch và quản trị chi phí, chưa tạo ra giá trị tăng thêm cho doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp với đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất, điều kiện nhân lực và vật lực khác nhau cũng có những nhận thức khác nhau về các yếu tố quyết định công tác KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Khi được hỏi về vai trò của KTQT trong doanh nghiệp, đại đa số các doanh nghiệp đều đồng ý KTQT là nguồn chủ yếu để cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị trong quá trình phân tích, xử lý thông tin, lựa chọn phương án và ra các quyết định kinh doanh. Tuy nhiên, đó chỉ là ý kiến của các kế toán trưởng hoặc các nhà điều hành, quản lý doanh nghiệp; còn bộ phận kế toán viên có nhận thức kém hơn. Đặc biệt, có kế toán viên cho rằng “KTQT không cần thiết vì đã có KTTC.” Một thực tế khác là nhiều kế toán trưởng cho rằng KTQT chi phí sản xuất không hỗ trợ nhiều cho nhà quản trị trong việc kiểm soát và giảm chi phí cũng như xác định giá bán có lợi nhất, như ở CTCP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp, CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông thủy, Công ty Cầu 7 Thăng Long... Việc nhận thức không đầy đủ về vai trò của KTQT sẽ kìm hãm nỗ lực tạo lập, xây dựng KTQT trong doanh nghiệp của ban giám đốc và bộ phận kế toán.

Các doanh nghiệp với đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất, điều kiện nhân lực và vật lực khác nhau cũng có những nhận thức khác nhau về các yếu tố quyết định công tác KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Qua điều tra, 100% đối tượng được hỏi cho rằng yếu tố quan trọng bậc nhất là nhà quản trị (ban lãnh đạo) phải đi đầu trong nhận thức về vai trò, nội dung của KTQT và phải là người chèo lái, chỉ dẫn các bộ phận trong doanh nghiệp áp dụng KTQT. Ngoài ra, các doanh nghiệp cho rằng còn nhiều yếu tố khác quyết định tới công tác KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm - không có yếu tố này thì doanh nghiệp chưa cần thiết phải xây dựng KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Ví dụ, Công ty Cầu 7 Thăng Long cho rằng khả năng đa dạng hóa sản phẩm của công ty phải cao; Công ty Tư vấn và Thiết kế Giao thông thủy cho rằng môi trường kinh doanh phải đa dạng, nhiều cơ hội kinh doanh, mức độ cạnh tranh ngành lớn; CTCP CTC cho rằng phải có nhiều chi phí phát sinh trong kỳ... Như vậy, có thể thấy các doanh nghiệp đã quan trọng hóa các yếu tố xuất hiện nhiều trong các doanh nghiệp lớn. Một câu hỏi

đặt ra là các doanh nghiệp nhỏ và vừa không áp dụng KTQT để quản lý và kiểm soát tốt chi phí, nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh thì đến bao giờ các yếu tố trên mới xuất hiện tại doanh nghiệp của họ?

2.2. Về phân loại chi phí

Đa số các doanh nghiệp sản xuất được điều tra chỉ sử dụng cách phân loại chi phí theo các khoản mục trên báo cáo tài chính. Cách phân loại này tương đối rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện vì nó có các quy định cụ thể của chế độ kế toán. Theo đó, chi phí sản xuất bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Qua điều tra, 2/3 số doanh nghiệp chỉ phân loại chi phí theo các khoản mục trên báo cáo tài chính. Còn đối với cách phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí (chi phí khả biến, chi phí bất biến, chi phí hỗn hợp) cũng như các cách phân loại chi phí theo mục tiêu ra quyết định của nhà quản trị - tuy chúng không còn là mới mẻ đối với các doanh nghiệp nhưng hầu hết các doanh nghiệp chỉ phân loại một số chi phí tiêu biểu theo biên phí, định phí, như thể không thể xây dựng bài toán kinh doanh dựa trên mô hình chi phí - khối lượng - lợi nhuận. Có nhiều doanh nghiệp tiến hành phân loại chi phí theo biến phí và định phí nhưng chỉ dừng lại ở chi phí sản xuất chung như công ty TNHH Kim Sơn, công ty TNHH Châu Á Linh, công ty TNHH Xây dựng Hiền Linh, CTCP Công nghệ Điện tử Viễn thông Tự động hóa, CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Thương hiệu Takasima... Hoặc CTCP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp chỉ phân loại chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp theo cách ứng xử của chi phí; CTCP CTC chỉ phân loại chi phí quản lý doanh nghiệp... Với cách phân loại như vậy, doanh nghiệp không thể xác định được điểm hòa vốn chính xác hoặc nếu xác định được thì đó cũng là những ước tính chủ quan. Một số doanh nghiệp đã ý thức được điều này và tiến hành phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí như CTCP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng,

CTCP Công nghiệp Thiết bị và Đầu tư Xây dựng Hà Nội, CTCP Sơn Hà... Riêng tại CTCP Sơn Hà, bộ phận KTQT còn phân loại chi phí theo mục tiêu ra quyết định kinh doanh giúp nhà quản trị có đầy đủ cơ sở để ra quyết định đúng đắn. Một số doanh nghiệp cũng xem xét đến chi phí cơ hội, chi phí chìm hoặc chi phí thích hợp khi lựa chọn phương án kinh doanh nhưng không diễn ra thường xuyên như tại CTCP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng, công ty COVICO... Mặc dù cách phân loại theo mục tiêu là khó nhất nhưng nó lại hỗ trợ nhà quản trị nhiều nhất trong việc kiểm soát để đạt được mục tiêu.

2.3. Hệ thống các định mức và dự toán chi phí

Các định mức chi phí (chi phí tiêu chuẩn) cụ thể cho một đơn vị sản phẩm, một công việc, một thao tác... hầu hết là do bộ phận kế toán kết hợp với nhân viên kỹ thuật có kinh nghiệm để xây dựng chi phí định mức cần thiết. Đa số các doanh nghiệp đều quy định cụ thể các định mức cho một đơn vị sản phẩm nhưng thực tế rất ít doanh nghiệp xây dựng hệ thống chi phí tiêu chuẩn hoàn thiện, đặc biệt về lượng và giá phí tiêu chuẩn. Vì vậy, nếu doanh nghiệp muốn lập dự toán nhằm cung cấp thông tin cho việc xây dựng kế hoạch cũng như kiểm tra thực hiện, đánh giá kết quả hoạt động thì sẽ không có được căn cứ vững chắc.

Có thể nói, việc lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh thường được lập cho cả năm và chia ra cho các quý, các tháng trong năm. Các dự toán mà doanh nghiệp thường tiến hành gồm dự toán chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Đa số doanh nghiệp không tiến hành tất cả các dự toán như Thông tư 53 hướng dẫn mà chỉ thực hiện một số trong đó, thậm chí có doanh nghiệp chỉ thực hiện một dự toán duy nhất như Công ty TNHH Châu Á Linh chỉ dự toán sản lượng sản xuất sản phẩm, Công ty Cầu 7 Thăng Long chỉ dự toán chi phí sản xuất và báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh, Công ty TNHH Kim Sơn chỉ dự toán chi phí tiêu thụ sản phẩm và chi phí sản xuất... Bên cạnh đó, cũng có công ty tiến hành lập tất cả các dự toán như CTCP Quốc tế Sơn Hà và công ty tiến hành lập gần tất cả các dự toán như CTCP Tập đoàn Tân Phát.

Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất được điều tra có kỳ KTQT theo quý nên việc lập các dự toán thường vào đầu mỗi quý, do đó thông tin cung cấp có tính kịp thời chưa cao. Một số doanh nghiệp chỉ tiến hành dự toán ở một mức hoạt động duy nhất (dự toán tĩnh) như CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông thủy, CTCP Tập đoàn Tân Phát... Nhiều công ty lập dự toán ở các mức hoạt động khác nhau nhưng thời gian lập chỉ một lần trong năm (đầu năm) như Công ty Tư vấn Đầu tư và Thương mại, Công ty Cầu 7 Thăng Long. Thậm chí CTCP Đầu tư và Phát triển Thương hiệu Takasima không lập dự toán chi phí và giá thành sản phẩm; còn với CTCP Công nghệ Điện tử Viễn thông Tự động hóa, khi nào cấp trên yêu cầu thì mới lập dự toán chi phí và giá thành sản phẩm... Việc tiến hành ít các dự toán chi phí và các dự toán chi được lập ở một mức hoạt động duy nhất khiến doanh nghiệp rất khó biết được chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp là bao nhiêu - khi có một tác nhân nào đó làm thay đổi mức sản

xuất. Việc lập dự toán chi phí ở một mức sản xuất nhất định dẫn tới việc lập giá thành định mức đơn vị sản phẩm cũng ứng với một mức sản xuất nhất định, điều này gây

khó khăn cho lãnh đạo doanh nghiệp trong việc định ra giá bán cạnh tranh, giá bỏ thầu... tại một thời điểm bất kỳ trong kinh doanh. Các dự toán đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp

Các dự toán đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp so sánh với kết quả thực tế đạt được để đưa ra những điều chỉnh cần thiết, do đó hệ thống quản trị và kiểm soát chi phí cũng được hình thành theo nhu cầu quản trị của doanh nghiệp cùng với hệ thống lập kế hoạch (dự toán).

so sánh với kết quả thực tế đạt được để đưa ra những điều chỉnh cần thiết, do đó hệ thống quản trị và kiểm soát chi phí cũng được hình thành theo nhu cầu quản trị của doanh nghiệp cùng với hệ thống lập kế hoạch (dự toán). Chi phí sản xuất chung là một khoản mục phức tạp và nhạy cảm của giá thành nên đều được tất cả các doanh nghiệp tổ chức quản lý chặt chẽ nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, đối với các khoản mục chi phí khác, việc kiểm soát chi phí chỉ dừng lại ở một vài khoản mục chi phí phát sinh tương đối lớn và chiếm tỷ trọng cao như: chi phí quảng cáo tiếp thị, chi phí vận chuyển, chi phí tiền lương... (trong chi phí bán hàng); chi phí tiếp khách, đào tạo... (trong chi phí quản lý doanh nghiệp).

2.4. Về phương pháp xác định chi phí và giá thành

Có hai phương pháp tập hợp chi phí là phương pháp trực tiếp và gián tiếp. Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất được điều tra đều sử dụng phương pháp trực tiếp đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp; sử dụng phương pháp gián tiếp đối với chi phí sản xuất chung - vì nó liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí.

Về phương pháp tính giá thành: Qua điều tra, hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng phương pháp tính giá thành theo công việc và một số ít sử dụng phương pháp tính giá thành theo quá trình sản xuất (Công ty Cầu 7 Thăng Long). Đồng thời, đa số doanh nghiệp sử dụng phương pháp xác định chi phí và giá thành thực tế kết hợp với định mức, chỉ có một số ít doanh nghiệp sử dụng phương pháp xác định chi phí và giá thành thực tế - đối với các doanh nghiệp này, họ hoàn toàn chỉ áp dụng KTTC. Các định mức chi phí là do các bộ phận kỹ thuật xây dựng cho một công việc, một sản phẩm, một thao tác... Sau đó, phòng kế toán có trách nhiệm tổng hợp các dự toán đó thành dự toán chung của toàn doanh nghiệp, đồng thời chịu trách nhiệm lập các báo cáo chi phí và giá thành tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của nhà quản trị. Tại hầu hết các doanh nghiệp, bộ phận

chính chịu trách nhiệm lập dự toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là phòng kế toán. Riêng tại CTCP CTC, bộ phận chính chịu trách nhiệm lập dự toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm lại là từng phân xưởng. Còn tại Công ty Tư vấn Đầu tư và Thương mại và CTCP Công nghệ Điện tử Viễn thông Tự động hóa, bộ phận chính chịu trách nhiệm lập dự toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là phòng kế hoạch, phòng kế toán chỉ có trách nhiệm tổng hợp các dự toán... Tại hầu hết các doanh nghiệp, bộ phận chịu trách nhiệm phân tích thông tin tài chính là phòng tài chính - kế toán; riêng Công ty Cầu 7 Thăng Long có thêm phòng kế hoạch. Như vậy, có thể nói, các doanh nghiệp đã rất linh hoạt trong việc tổ chức, bố trí các bộ phận tiến hành dự toán, phân tích thông tin một cách phù hợp nhất với doanh nghiệp.

Về tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung: Có rất nhiều doanh nghiệp chỉ phân bổ chi phí sản xuất chung theo một tiêu chuẩn duy nhất như Công ty TNHH Châu Á Linh, Công ty Cầu 7 Thăng Long, Công ty COVICO (phân bổ chi phí sản xuất chung theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp)... Việc lựa chọn một tiêu thức để phân bổ chi phí sản xuất chung mặc dù đơn giản, dễ thực hiện, ít tốn kém thời gian và công sức nhưng sẽ khiến việc xác định giá thành không chính xác vì chi phí sản xuất chung gồm nhiều khoản mục chi phí khác nhau về đặc điểm, tính chất; chịu tác động ảnh hưởng của nhiều hoạt động khác nhau và trong chi phí sản xuất chung bao gồm cả yếu tố định phí và biến phí. Do vậy, chỉ lấy một tiêu thức đại diện để phân bổ chi phí sản xuất chung sẽ không phản ánh chính xác chi phí sản xuất chung trong từng sản phẩm. Một số ít doanh nghiệp phân bổ chi phí sản xuất chung theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau - tùy theo từng loại chi phí cụ thể trong chi phí sản xuất chung. Ví dụ, CTCP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp, CTCP Công nghiệp Thiết bị và Đầu tư Xây dựng Hà Nội phân bổ lương quản đốc phân xưởng theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, phân bổ chi phí khấu hao theo thời gian sử dụng máy, phân bổ chi phí sửa chữa máy móc thiết bị theo số

giờ công sửa chữa... Một điều rất đáng mừng là hầu hết các doanh nghiệp được điều tra đều sử dụng mô hình phân bổ chi phí sản xuất chung theo mức độ hoạt động. Theo mô hình này, chi phí được tập hợp theo các hoạt động (nguồn phát sinh chi phí) cho phép xác định giá phí của từng loại sản phẩm chính xác hơn. Sự linh hoạt trong việc sử dụng các tiêu chuẩn phân bổ chi phí cho các đối tượng tính giá sẽ giúp cung cấp thông tin đa dạng, phong phú về tình hình chi phí, giá thành nhằm đáp ứng các nhu cầu sử dụng thông tin khác nhau của nhà quản trị, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm soát chi phí hiệu quả hơn.

2.5. Môi liên hệ cung cấp thông tin giữa các bộ phận trong doanh nghiệp

Các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường có nhiều đối thủ cạnh tranh nên đều phát sinh nhu cầu phải có thông tin nhanh, chính xác để có thể xử lý và ra các quyết định kịp thời, tránh bỏ lỡ cơ hội kinh doanh. Thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp quan tâm đến việc thiết lập hệ thống thông tin nội bộ song vẫn còn lúng túng trong việc thiết kế bộ máy tổ chức. Hiện tại, hệ thống thông tin mà các doanh nghiệp có chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin cho quản trị chi phí. Tại nhiều doanh nghiệp, việc truyền đạt thông tin chưa thống nhất và xử lý thông tin chưa kịp thời. Ví dụ: việc xuất nhập vật tư giữa các phòng kế hoạch, vật tư và phòng kế toán không thống nhất với nhau về mã số các chủng loại vật tư dùng cho sản xuất; hoặc phòng kế hoạch, phòng vật tư lập kế hoạch các khoản mục giá thành không phù hợp với yêu cầu hiện nay của phòng kế toán... Nhiều doanh nghiệp cho biết họ hoàn toàn không hài lòng về việc nhà quản trị không được cung cấp thông tin nhanh chóng từ các phòng ban, như CTCP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng, Công ty TNHH Châu Á Linh. Có khoảng 50% doanh nghiệp đánh giá việc các báo cáo của các bộ phận sản xuất trình bày đúng nội dung và nộp đúng thời gian quy định của doanh nghiệp đạt mức trung bình. Thực trạng này khiến việc cập

nhất thông tin của nhà quản trị bị sụt giảm, dẫn tới các phân tích, đánh giá, so sánh giữa các phương án không chính xác và có thể ảnh hưởng tới quyết định kinh doanh, kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

2.6. Mô hình kế toán quản trị, nội dung, hệ thống sổ sách, báo cáo trong doanh nghiệp

Về mô hình KTQT: Theo đánh giá của các chuyên gia, do KTQT vẫn bị hiểu sai từ nội dung đến cách thức xây dựng nên nhiều doanh nghiệp còn lúng túng khi nghiên cứu mô hình KTQT để áp dụng thực tế. Nhiều doanh nghiệp được hỏi cho rằng doanh nghiệp chỉ có KTTC, không có KTQT nên họ không thể điền vào phiếu điều tra như Phân xưởng 110KV - Xí nghiệp Điện Miền Bắc - Hòa Bình. Tuy nhiên, cũng có một số doanh nghiệp đã bước đầu vận dụng và xây dựng được một bộ máy KTQT riêng biệt - đó chủ yếu là các tập đoàn kinh tế lớn. CTCP Quốc tế Sơn Hà là ví dụ điển hình về việc áp dụng KTQT trong doanh nghiệp khi công ty tổ chức hẳn một bộ phận KTQT bên cạnh bộ phận KTTC. Còn đại đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nếu có áp dụng KTQT trong doanh nghiệp thì chỉ là sự kết hợp giữa KTTC và KTQT, trong đó KTQT đơn giản là sự chi tiết hóa số liệu của KTTC.

Về nội dung KTQT: Với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hệ thống quản lý chủ yếu dựa trên nền tảng chuyên môn hóa từng bộ phận, từng hoạt động quản lý, thì nội dung KTQT được xây dựng theo hướng cung cấp thông tin định lượng về tình hình kinh tế tài chính theo từng bộ phận chuyên môn hóa để phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và ra quyết định của nhà quản lý ở từng cấp quản trị. Với các doanh nghiệp có hệ thống quản lý chủ yếu dựa trên nền tảng từng quá trình hoạt động (được hiểu là bao gồm tất cả các công đoạn, bộ phận như nghiên cứu và phát triển sản phẩm, sản xuất, dịch vụ, thiết kế, tiến trình sản xuất sản phẩm, marketing, phân phối, dịch vụ sau phân phối hoặc bao gồm một nhóm công đoạn, bộ phận gắn kết nhau trong

quá trình sản xuất, kinh doanh) thì nội dung KTQT được xây dựng theo hướng cung cấp thông tin định lượng về tình hình kinh tế tài chính theo từng quá trình hoạt động để phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức, phối hợp thực hiện, đánh giá hiệu quả của từng nhóm thực hiện quá trình hoạt động (những người có chuyên môn khác nhau cùng thực hiện một quá trình kinh doanh).

Về kỳ KTQT, tài khoản, hệ thống sổ sách sử dụng: KTQT được tổ chức để cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời cho nhà quản trị nên kỳ KTQT càng ngắn thì càng đáp ứng cao nhu cầu thông tin của nhà quản trị. Qua điều tra thực tế cho thấy gần 50% doanh nghiệp có kỳ KTQT theo tháng, 40% doanh nghiệp có kỳ KTQT theo quý, còn lại là số doanh nghiệp có kỳ KTQT theo năm như CTCP Tập đoàn Tân Phát, CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông thủy... Hầu hết các doanh nghiệp không sử dụng một hệ thống tài khoản KTQT độc lập mà vẫn sử dụng chung hệ thống tài khoản kế toán thống nhất hiện hành và có sự chi tiết hóa nhiều hơn so với KTTC. Cấp trung bình của tài khoản chi tiết mà các doanh nghiệp sử dụng là cấp 3 và số mẫu sổ mà doanh nghiệp sử dụng từ 3-5 sổ. Việc kết hợp với KTTC trong sử dụng các sổ chi tiết để tập hợp chi phí từng loại giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, công sức, tiền của so với việc thiết lập tài khoản, sổ sách riêng. Một số doanh nghiệp có quy mô lớn, khối lượng công việc, chi phí phát sinh nhiều đã tổ chức chi tiết các tài khoản đến cấp 4 và mẫu sổ sách 5-7 sổ như CTCP Quốc tế Sơn Hà, song cũng có doanh nghiệp chỉ sử dụng tài khoản chi tiết đến cấp 2 và mẫu sổ từ 1-3 như Công ty Châu Á Linh, CTCP Tập đoàn Tân Phát...

Về hệ thống báo cáo KTQT: Hệ thống KTQT không có một quy chuẩn pháp lý chung về hình thức lẫn nội dung báo cáo. Hiện nay chỉ có doanh nghiệp lớn mới sử dụng một hệ thống phần mềm quản trị thống nhất (CTCP Quốc tế Sơn Hà), còn đa phần doanh nghiệp vừa và nhỏ chỉ mới áp dụng phần mềm kế toán, vì vậy việc lấy số liệu chỉ dừng ở khâu tận dụng nguồn thông tin từ KTTC. Đây là một nguyên nhân

khuyến quá trình lấy số liệu gặp sai sót và không kịp thời. Trên thực tế, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước sử dụng thông tin kế toán cho mục đích quản trị còn rất hạn chế. Việc hạch toán vẫn mang tính hình thức, đối phó, mọi sự tập trung vẫn dành cho chế biến số liệu để có được báo cáo tài chính tốt nhất, để doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp...

2.7. Kênh tìm kiếm thông tin kế toán quản trị

Hiện nay đa số doanh nghiệp chỉ tìm kiếm thông tin KTQT qua một kênh duy nhất là Search Engine (google, yahoo). Qua điều tra cho thấy 1/3 số doanh nghiệp chỉ lựa chọn phương án này, như CTCP Công nghiệp Thiết bị và Đầu tư Xây dựng Hà Nội, Công ty TNHH Châu Á Linh, Công ty Cầu 7 Thăng Long, Công ty Tư vấn Đầu tư và Thương mại... Một số doanh nghiệp khác như CTCP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp, CTCP Tập đoàn Tân Phát... đầu tư vào việc tìm kiếm thông tin nhiều hơn bằng cách tham khảo nhiều kênh thông tin khác như web chuyên biệt, các báo cáo... Tuy nhiên, số lượng các website đăng tải nội dung KTQT không phải quá nhiều (webketoan.com, tapchiketoan.com, doanhnhan360.com...), nội dung các bài viết còn ít và trùng lặp. Rất nhiều doanh nghiệp khác sử dụng kết hợp nhiều kênh thông tin khác nhau để tìm hiểu và học tập kinh nghiệm về công tác KTQT. Ví dụ: CTCP CTC, COVICO, Sơn Hà tham khảo hướng dẫn của cơ quan chính phủ, công ty tư vấn; CTCP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tổ chức cho cán bộ kế toán trong doanh nghiệp tham gia các khóa học bồi dưỡng về KTQT; CTCP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng, Công ty TNHH Xây dựng Hiền Linh, CTCP Công nghệ Điện tử Viễn thông Tự động hóa... còn tìm kiếm thông tin thông qua khách hàng của công ty và từ các cuộc gặp gỡ, hợp tác làm ăn với đối tác; CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông thủy lại tìm kiếm thông tin bằng cách hỏi trực tiếp các doanh nghiệp khác... Điều này cho thấy các doanh nghiệp đã có ý thức tìm hiểu, chủ động

tìm hiểu và mong muốn xây dựng công tác KTQT trong doanh nghiệp mình.

2.8. Doanh nghiệp tự đánh giá công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành

Một nửa số doanh nghiệp được hỏi cho rằng họ có mức độ hài lòng trung bình về việc tổ chức chi tiết các tài khoản chi phí, tính khoa học và dễ sử dụng của hệ thống sổ sách kế toán tự thiết kế, hệ thống tài khoản chi tiết giúp doanh nghiệp dễ dàng quản lý chi phí... Tuy nhiên, một số doanh nghiệp hoàn toàn không hài lòng như Công ty Cầu 7 Thăng Long, Công ty TNHH Châu Á Linh. Đặc biệt, họ hoàn toàn không hài lòng khi doanh nghiệp họ không sử dụng mô hình phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận, không thường xuyên sử dụng các đồ thị, biểu đồ thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dự báo các chỉ tiêu tài chính - trong khi các công cụ này tỏ ra vô cùng hữu hiệu (như CTCP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp, CTCP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng, Công ty COVICO, Công ty TNHH Xây dựng

Hiền Linh). **Tình trạng các doanh nghiệp tự đánh giá không cao lợi ích của việc sử dụng các chứng từ nội bộ cho hoạt động quản lý nhắc nhở các doanh nghiệp phải điều chỉnh, thiết kế lại, bổ sung các chứng từ cần thiết hoặc bỏ bớt đi các chứng từ không cần thiết nhằm giúp hoạt động của doanh nghiệp diễn ra trôi chảy, nhà quản trị cũng dễ dàng quản lý doanh nghiệp hiệu quả hơn.**

Đa phần các doanh nghiệp đều khẳng định họ có sự minh bạch trong việc phân công trách nhiệm cho các phòng ban và các phòng ban phải có sự hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện mục tiêu chung của doanh nghiệp, nhưng vẫn có 1/3 số doanh nghiệp được hỏi hoàn toàn không hài lòng khi phòng kế toán không phối hợp tốt với các phòng ban khác thực hiện các dự toán; 20% doanh nghiệp hoàn toàn hài lòng và số còn lại đánh giá đạt mức độ trung bình.

Về việc quy định các định mức cho một sản phẩm, trên 50% số doanh nghiệp hài lòng khi doanh nghiệp đã tiến hành xây dựng hệ thống định mức chi phí hợp lý, phục vụ tốt cho công tác dự toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Mặc dù không có doanh nghiệp nào không hài lòng nhưng họ chỉ đánh giá ở mức trung bình. Điều này cho thấy hệ thống các định mức trong doanh nghiệp chưa được hoàn thiện, các doanh nghiệp cần nghiên cứu để đưa ra các định mức chính xác và khoa học hơn. Về lợi ích của việc sử dụng các chứng từ nội bộ cho hoạt động quản lý, chỉ có số ít doanh nghiệp tỏ ra rất hài lòng (CTCP Công nghiệp Thiết bị và Đầu tư Xây dựng Hà Nội và CTCP Quốc tế Sơn Hà), một doanh nghiệp không hài lòng là Công ty Cầu 7 Thăng Long, còn các doanh nghiệp khác đều đánh giá ở mức độ trung bình. Tình trạng các doanh nghiệp tự đánh giá không cao lợi ích của việc sử dụng các chứng từ nội bộ cho hoạt động quản lý nhắc nhở các doanh nghiệp phải điều chỉnh, thiết kế lại, bổ sung các chứng từ cần thiết hoặc bỏ bớt đi các chứng từ không cần thiết nhằm giúp hoạt động của doanh nghiệp diễn ra trôi chảy, nhà quản trị cũng dễ dàng quản lý doanh nghiệp hiệu quả hơn.

2.9. Ý kiến đề xuất của các doanh nghiệp để hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Khi tự đánh giá KTQT chi phí và giá thành, hơn một nửa số doanh nghiệp cho rằng không phải doanh nghiệp nào cũng linh hoạt được Thông tư 53 về Hướng dẫn áp dụng KTQT trong doanh nghiệp. Có 20% số doanh nghiệp cho rằng Thông tư 53 không giúp được nhiều cho doanh nghiệp trong việc thiết kế hệ thống KTQT (như CTCP CTC, Công ty TNHH Xây dựng Hiền Linh, CTCP Công nghệ Điện tử Viễn thông Tự động hóa...). Có gần 30% số doanh nghiệp cho rằng nó dễ hiểu, dễ áp dụng. Số doanh nghiệp còn lại chưa có sự quan tâm đúng mức về KTQT nói chung, về Thông tư 53 nói riêng và thể hiện nhận thức của doanh nghiệp còn hạn chế.

Trên cơ sở những đánh giá và nhận xét về công tác KTQT của chính doanh nghiệp mình, 100% doanh nghiệp được hỏi đều cho rằng các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam cần xây dựng một hệ thống KTQT phù hợp trong thời gian tới; cần thiết phải mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về KTQT; các doanh nghiệp nên phân loại tất cả mọi khoản chi phí; phân bổ chi phí sản xuất chung theo nhiều tiêu chuẩn; tổ chức công tác KTQT bên cạnh công tác KTTTC theo mô hình kết hợp; xây dựng hệ thống chi phí tiêu chuẩn hoàn thiện... Các doanh nghiệp đều kiến nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước phải hoàn thiện lý luận KTQT, ban hành nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng cụ thể KTQT trong doanh nghiệp theo quy mô và theo từng loại hình doanh nghiệp; các văn bản hướng dẫn áp dụng KTQT trong doanh nghiệp phải chi tiết, rõ ràng, cụ thể hơn... Các doanh nghiệp đều muốn hình thành các trung tâm chi phí để dễ dàng quản lý và kiểm tra; lập dự toán chi phí, dự toán kết quả kinh doanh theo tháng; tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp cần phải chi tiết hơn. Doanh nghiệp cần chủ động nhận thức rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, phương pháp của KTQT để tổ chức bộ máy tiến hành công tác KTQT; tổ chức sổ kế toán, xây dựng hệ thống báo cáo KTQT. Doanh nghiệp sản xuất nên có các bảng tính, biểu đồ sử dụng trong trường hợp cần tính toán các chỉ tiêu, biểu diễn các chỉ tiêu, phục vụ cho việc khảo sát các tình huống. Ngoài ra, kế toán trưởng Triệu Văn Giáp - CTCP Công nghiệp Thiết bị và Đầu tư Xây dựng Hà Nội còn đóng góp ý kiến để hoàn thiện công tác KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam: “Trước hết, Bộ Tài chính cần có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn; tổ chức tốt công tác phổ biến, tuyên truyền; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho các nhà quản trị doanh nghiệp và đội ngũ kế toán để hiểu rõ về KTQT, từ đó vận dụng một cách phù hợp vào điều kiện cụ thể của từng đơn vị”. Ông Lưu Anh Tuấn - Công ty TNHH Kim Sơn đưa ra ý kiến thiết thực: “Để làm tốt công tác KTQT, đầu tiên cần có một hệ thống

sổ sách, chứng từ kế toán thống nhất, tiện lợi cho việc tra cứu, đối chiếu khi cần ra quyết định sản xuất kinh doanh; thứ hai, qua quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn để có cách ghi chép số liệu kế toán hợp lý, vì không có lý thuyết nào sát với thực tế của mỗi doanh nghiệp"... Như vậy, có thể thấy ý kiến của các doanh nghiệp đều dựa trên thực trạng cần giải quyết và các doanh nghiệp đều gửi gắm mong muốn hoàn thiện công tác KTQT chi phí sản xuất và giá thành ở doanh nghiệp của mình nói riêng và các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam nói chung.

3. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị

Ở Việt Nam, KTQT được đề cập một cách hệ thống vào đầu những năm 1990 và trở thành yêu cầu cấp bách trong việc xây dựng hệ thống thông tin kế toán vào đầu những năm 2000, khi các doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng quản lý để tăng năng lực cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh - không chỉ ở phạm vi thị trường Việt Nam mà còn mở rộng ra thị trường khu vực, thị trường thế giới. Tuy nhiên, về mặt luật pháp, thuật ngữ KTQT mới chính thức được ghi nhận trong Luật Kế toán Việt Nam ban hành ngày 17/5/2003. Hiện nay, hệ thống kế toán của Việt Nam là hệ thống hỗn hợp bao gồm cả KTTC và KTQT, nhưng phần hành chủ yếu vẫn là KTTC. Mặc dù Nhà nước đã ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành KTQT trong doanh nghiệp nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng hiểu và vận dụng vào công tác KTQT của mình. Công tác truyền thông về KTQT mờ nhạt cộng với việc thiếu các lớp đào tạo, phổ biến kiến thức KTQT hay các buổi tọa đàm để doanh nghiệp lĩnh hội được nội dung Thông tư... đã khiến các doanh nghiệp phải mò mẫm trong quá trình vận dụng và tổ chức thực hiện KTQT.

Khảo sát thực tiễn KTQT ở các doanh nghiệp sản xuất cho đến thời điểm hiện nay cho thấy chỉ có một số tập đoàn kinh tế lớn áp dụng KTQT triệt để trong doanh nghiệp bằng cách thiết lập hẳn bộ phận KTQT riêng biệt với bộ phận KTTC. Đa số doanh nghiệp vừa có

quan tâm đến KTQT nhưng chủ yếu theo hướng cung cấp thông tin định lượng về tình hình kinh tế - tài chính phục vụ việc hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và ra quyết định của nhà quản trị. Còn ở các doanh nghiệp nhỏ thì hiếm thấy các nội dung của KTQT trong công tác kế toán của doanh nghiệp, thậm chí nhiều cán bộ kế toán không hiểu các thuật ngữ chuyên môn trong lĩnh vực mà mình đang công tác.

KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là nội dung cơ bản, quan trọng nhất trong KTQT, nhưng hiện nay nhiều doanh nghiệp chưa thật sự nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò quan trọng của nó trong việc thu thập xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định kinh tế đối với từng hoạt động, trong việc lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh... Đặc biệt, việc phân biệt ranh giới, nội dung của kế toán chi phí và giá thành trong KTTC và KTQT còn là vấn đề khó khăn đối với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc phân loại chi phí trong doanh nghiệp chỉ lại ở phân loại chi phí theo các khoản mục trên báo cáo tài chính, nếu có phân theo định phí, biến phí thì chỉ tiến hành với chi phí sản xuất chung. Đa phần các doanh nghiệp chỉ tiến hành cung cấp các thông tin cho nhà quản trị về chi phí của các phương án chứ ít phân tích so sánh các dự toán với thực tế để tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục. Các biểu bảng, đồ thị, phương trình thường không được sử dụng để lượng hóa thông tin, cung cấp cho nhà quản trị cái nhìn tổng quan, để so sánh giữa các thời kỳ kinh doanh...

Nhu cầu xây dựng hệ thống KTQT chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp rất cấp bách, nhưng đa số các doanh nghiệp không biết phải thực hiện như thế nào. Qua nghiên cứu và thực nghiệm cho thấy việc vận dụng KTQT vào các doanh nghiệp Việt Nam là điều khả thi và cần thiết phải thực hiện. Vấn đề ở đây là cần phải định hướng mô hình KTQT chung và các giải pháp cần thiết để các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam có thể vận dụng dễ dàng. Từ việc tham khảo mô hình KTQT của các quốc gia phát triển trên thế giới, chúng tôi nhận thấy các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam có thể học hỏi và áp dụng nhiều điểm.

Bảng 1: So sánh mô hình KTQT ở Mỹ, Anh và Pháp

So sánh	KTQT ở Mỹ, Anh	KTQT ở Pháp
<i>Mô hình KTQT</i>	Mô hình kế toán động, KTTC và KTQT được tổ chức kết hợp với nhau. KTQT luôn được nhận thức là một bộ phận chuyên môn (có thể thuộc kế toán hoặc thuộc ban giám đốc).	Mô hình kế toán tĩnh, KTTC và KTQT được tổ chức tách rời nhau, độc lập tương đối. KTQT là bộ phận riêng biệt nhưng vẫn nằm trong bộ máy kế toán của doanh nghiệp.
<i>Đặc điểm thông tin</i>	Tập trung, đề cao tính hữu ích của thông tin phục vụ cho các quyết định quản lý hơn là xác lập một hệ thống thông tin toàn diện cho yêu cầu quản lý.	Đề cao thông tin kiểm soát nội bộ, kiểm soát định hướng.
<i>Vai trò của nhà nước</i>	Nhà nước không can thiệp sâu vào chuyên môn, nghiệp vụ.	Nhà nước can thiệp trực tiếp bằng pháp luật.
<i>Tài khoản, sổ sách sử dụng</i>	KTTC sử dụng các tài khoản tổng hợp, báo cáo tài chính toàn doanh nghiệp; KTQT sử dụng tài khoản chi tiết, các báo cáo bộ phận...	KTQT được tổ chức thành bộ máy riêng; sử dụng tài khoản, sổ sách, báo cáo riêng.
<i>Hạch toán chi phí</i>	Doanh nghiệp được chia thành nhiều bộ phận để theo dõi và hạch toán chi phí (gọi là các trung tâm chi phí - cost centers). Việc kiểm soát chất lượng và cơ cấu vật liệu cũng được thực hiện trong quá trình sản xuất. Phương pháp quản trị chi phí theo mục tiêu và phương pháp phân bổ chi phí theo hoạt động được sử dụng rộng rãi.	Hình thành các trung tâm chi phí (trung tâm chính và trung tâm phụ). Các chi phí gián tiếp được phân chia lần 1 cho các trung tâm chính và trung tâm phụ, lần 2 từ các trung tâm phụ vào các trung tâm chính. Cuối cùng, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí của các trung tâm chính vào các loại giá phí.
<i>Phương pháp quản lý</i>	Với mỗi loại sản phẩm, nhà quản trị tìm cách giảm chi phí đến mức mong muốn trong giai đoạn nghiên cứu, thiết kế và cung ứng vật tư. Các nhà quản trị thường xuyên phân tích sự thay đổi chi phí thực tế và không ngừng cải tiến hệ thống sản xuất ngày càng tốt hơn.	Các khoản chi tiêu cho sản xuất luôn được các doanh nghiệp quan tâm một cách triệt để và gắn trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận hoạt động.
<i>KTQT giá thành</i>	Xác định giá thành là đi vào định lượng của hao phí để xác định mức bù đắp trong phạm vi doanh nghiệp cũng như phạm vi xã hội để thực hiện quá trình tái sản xuất xã hội; giá thành sản phẩm chỉ bao gồm các chi phí sản xuất.	Giá thành sản phẩm là khái niệm được sử dụng để xác định những hao phí vật chất được dùng cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mà doanh nghiệp phải bù đắp bằng doanh thu bán hàng; giá thành bao gồm giá phí sản xuất và giá phí phân phối.

Với việc đề cao vai trò cá nhân, vai trò của các nhà quản lý cao cấp, ít có sự can thiệp hoặc can thiệp gián tiếp bằng luật pháp của nhà nước vào chính sách kế toán, KTQT được xem như một công cụ bổ khuyết thông tin quản lý nên ở Anh và Mỹ, KTQT có xu hướng được xây dựng thành bộ phận thuộc ban giám đốc, là công cụ riêng của nhà quản lý. Ngược lại, với những doanh nghiệp sản xuất ở các nước đề cao tính an toàn, tính tập thể, có sự can thiệp của nhà nước trực tiếp bằng luật pháp vào chính sách kế toán như Pháp thì KTQT có xu hướng được xây dựng thành bộ phận kế toán, là một chuyên ngành khoa học kinh tế độc lập. Việt Nam là

một nước có nền kinh tế thị trường mới phát triển sau nhiều năm chiến tranh và một thời gian dài đi theo nền kinh tế bao cấp nên việc tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh cập nhật theo nền tảng hoạt động quản lý từ trước khá lạc hậu và doanh nghiệp thường không quan tâm đến KTQT. Vì vậy, để xây dựng mô hình KTQT thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam, cần thiết phải có sự hỗ trợ từ phía Nhà nước kết hợp ưu điểm của hai mô hình KTQT của Mỹ (Anh) và Pháp. Theo đó, Nhà nước nên có những hướng dẫn, định hướng cụ thể cho các doanh nghiệp nhưng không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp. Với trình độ tổ chức, quản lý

kinh tế còn yếu, các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam nên tổ chức KTQT kết hợp chặt chẽ với KTTC giống KTQT của Mỹ (KTTC sử dụng các tài khoản, sổ sách, báo cáo tổng hợp còn KTQT sử dụng các tài khoản, sổ sách, báo cáo chi tiết) giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, thời gian và công sức. Mỗi bộ phận chức năng của doanh nghiệp nên tổ chức thành một trung tâm phân tích. Việc này giúp các doanh nghiệp dễ dàng xác định và kiểm soát chi phí. Việc phân bổ chi phí nên thực hiện trên cơ sở hoạt động. Mô hình KTQT với hệ thống quản lý dựa trên cơ sở hoạt động là một sự đổi mới, tái lập cơ bản mô hình KTQT với hệ thống quản lý chuyên môn hóa. Khi đó nhà quản trị sẽ kiểm soát tình hình hoạt động chính xác hơn cũng như dễ dàng đánh giá hay gán kết trách nhiệm cho các bộ phận khi phân tích kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài liệu tham khảo

[1] Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2008), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB. Tài chính.

- [2] Huỳnh Lợi (2009), *Kế toán quản trị*, NXB. Giao thông Vận tải.
- [3] Nguyễn Thị Minh Tâm (2008), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Đoàn Xuân Tiên (2008), *Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp*, NXB. Tài chính.
- [5] Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương (2008), *Kế toán quản trị - Lý thuyết và bài tập*, NXB. Thống kê.
- [6] Phan Đức Dũng (2008), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB. Thống kê.
- [7] Phan Đức Dũng (2008), *Kế toán quản trị - Lý thuyết, bài tập và bài giải*, NXB. Thống kê.
- [8] Huỳnh Lợi (2009), *Kế toán quản trị*, NXB. Giao thông Vận tải.
- [9] Bộ Tài Chính (2006), Thông tư 53/2006: “Hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp”.
- [10] <http://www.tapchiketoan.com>
- [11] <http://thuvien.hoo.vn>
- [12] <http://vndong.com/ke-toan>
- [13] <http://www.caohockinhhte.info>
- [14] <http://www.doanhnhan360.com>
- [15] <http://www.itjsc.com.vn>
- [16] <http://www.saga.vn>
- [17] <http://www.saiminh.com>
- [18] <http://www.webketoan.vn>

The current status of expense and pricing management accounting in several production enterprises in Hanoi

Dr. Nguyen Thi Minh Tam

*Faculty of Finance and Banking, University of Economics and Business,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Management Accounting is an effective management tool in a market economy because of its high flexibility and timeliness of accounting information required for internal corporate management. Vietnamese manufacturing enterprises, however, have paid inadequate attentions to the management accounting system of expenses and pricing. Why? What should manufacturing enterprises do to improve management accounting? By conducting a survey and analyzing international lessons, the papers have addressed the above mentioned issue. A big number of manufacturing enterprises in Hanoi were involved in the survey. Thanks to their input, the research team proposed solutions and recommendations to improve the management accounting of expenses and pricing.